

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **258/2022/HC-PT**

Ngày: 23/5/2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

Các Thẩm phán : Bà Phạm Thị Thu Hải

: Ông Đào Hồng Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 4 năm 2022, ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án
hành chính thụ lý số 03/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc:
“*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 05 tháng 01 năm
2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1112/2022/QĐXXPT-HC ngày
29/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4965/2022/QĐPT-HC ngày
28/4/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Xuân T**

Địa chỉ: đường T, Phường M, quận G, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Chí T**, là người đại diện theo ủy
quyền (Văn bản ủy quyền số 000004785, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày
06/7/2020).

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố T (tên cũ: Ủy ban nhân dân Quận H)

Địa chỉ: đường B, phường L, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Hoàng T** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố T).

- **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T** (tên cũ: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H**).

Địa chỉ: đường B, phường L, thành phố T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông **Trần Cảnh P**, Phó Trưởng ban - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

Bà **Phan Thị Minh L**, Trưởng phòng tiếp công dân - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

Ông **Trần Quốc S**, Phó Trưởng phòng tiếp công dân - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

Cùng địa chỉ: đường B, phường L, thành phố T, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Ủy ban nhân dân phường A** (tên cũ: **Ủy ban nhân dân phường B**)

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Trường N** - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 08/GUQ-UBND ngày 02/04/2021).

3.2. Bà **Phạm Thị H**

Địa chỉ: đường T, Phường M, quận G, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Xuân T**, đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 3740, quyền số: 06-TP/CC- SCC/HĐGD lập ngày 20/06/2019 tại Phòng Tư pháp thị xã D).

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Nguyễn Chí T và ông Trần Quốc S có mặt. Ông Hoàng T, ông Trần Cảnh P, bà Trần Thị Minh L, ông Nguyễn Trường N có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Xuân T có ông Nguyễn Chí T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần nhà đất số C5/1 tổ 6, khu phố 1, phường B, Quận H do ông Nguyễn Xuân T và vợ là bà Phạm Thị H là chủ sử dụng. Nhà đất có nguồn gốc do vợ chồng bà Phạm Thị L khai phá vào năm 1976. Năm 1988, bà L bán lại cho ông Lê Anh P. Năm 1996, ông P bán lại cho ông Nguyễn Văn D. Năm 1998, ông D bán lại cho ông T. Toàn bộ khuôn viên có diện tích là 98 m², trên đất có 01 căn nhà lá từ thời bà L. Sau khi mua của ông D, ông T phá phần nhà lá đi có từ thời bà L và xây dựng căn nhà vách ván, nền xi măng, mái tôn có diện tích xây dựng

là 40m². Việc mua bán bằng giấy tay, không có chứng thực của Cơ quan nhà nước nhưng có xác nhận của khu phố trưởng. Năm 1999, ông T có tiến hành kê khai nhà đất đối với phần nhà nói trên và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B. Toàn bộ nhà đất nói trên nằm trong Khu quy hoạch đô thị mới T. Ngày 08/02/2010, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với gia đình ông T, toàn bộ nhà đất nói trên có tổng giá trị bồi thường là 18.460.000 (*mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn*) đồng và xác định không đủ điều kiện tái định cư. Không đồng ý với giá trị đền bù trên, ông T đã khiếu nại quyết định này và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H đã ban hành Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 bác đơn khiếu nại của ông T. Nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H, Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H và xác định nhà đất của ông T là đất ở trước ngày 15/10/1993.

Tại Biên bản đối thoại ngày 23 tháng 9 năm 2020, người khởi kiện đề nghị Ủy ban nhân dân Quận H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) hỗ trợ tiền tạm cư cho ông T và xác định đây chỉ là một đề nghị xem xét của ông T chứ không phải yêu cầu mới của ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Cảnh P, bà Phan Thị Minh L, Trần Quốc S trình bày:

Vị trí thửa đất giải tỏa: Đất trống, khu phố 1, phường B, Quận H thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 18 do ông Nguyễn Xuân T là chủ sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa dự án Khu đô thị mới T theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Diện tích giải tỏa của khu đất này là 93,34m². Ngày 29/12/2009, Ủy ban nhân dân phường B đã có giấy xác nhận hồ sơ pháp lý số 526/UBND đối với nhà đất nói trên. Thực hiện Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T và các khu phục vụ tái định cư tại Quận H. Ngày 27/01/2010, Hội đồng bồi

thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới T lập bảng chiết tính số 1270/BCT/BK về giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông T. Ngày 08/02/2010, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông Nguyễn Xuân T với số tiền 18.460.000 đồng; về tái định cư: không đủ điều kiện tái định cư. Không đồng ý với Quyết định này, ông T đã khiếu nại. Ngày 03/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của ông T. Nay người bị kiện vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 Ủy ban nhân dân Quận H và Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H vì toàn bộ quy trình đền bù đối với nhà đất nói trên là hoàn toàn tuân theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên xử:

- Áp dụng Điều 104 Luật tổ tụng hành chính số 64/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

- Áp dụng Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Áp dụng Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2009.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T về việc hủy Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) và Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết khách quan của vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện đồng thời cũng là người kháng cáo có ông Nguyễn Chí T đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H, Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H. Đồng thời đề nghị được hỗ trợ tiền tạm cư.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm xét xử, thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T, hủy các quyết định hành chính bị kiện, buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện lại thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông T đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ.

[2] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính, đồng thời xác định đúng

thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”* là chính xác.

[4]. Về kế thừa quyền, nghĩa vụ của cơ quan tham gia tố tụng: ngày 09/12/2020 Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thông qua Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 thành lập thành phố T trực thuộc Thành phố H trên cơ sở nhập các quận gồm: quận T, Quận H và Quận C. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Bộ luật tố tụng hành chính thì Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố Quận H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H khi tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người bị kiện.

[5]. Về sự vắng mặt của các đương sự: tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[6]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T:

- Tại Tiết b.1.3 điểm b.1 và khoản b mục 3 Điều 3 của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành kèm theo quy định về đền bù, hỗ trợ thiết hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T quy định:

“Trường hợp người đang sử dụng đất ở có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp (chuyển nhượng qua nhiều lần) đất ở của người có giấy tờ hợp lệ hoặc không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất ở nhưng được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại tiết b.1.1, b.1.2.1, b.1.2.2, b.1.2.3 trên thì người sử dụng được tính bồi thường, hỗ trợ theo mức giá bồi thường, hỗ trợ của người chủ sử dụng cũ đầu tiên”.

- Điểm 2.2 khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về sửa đổi, bổ sung tiết b.1.3 của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành kèm theo quy định về đền bù, hỗ trợ thiết hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T, Thành phố H về sửa đổi, bổ sung tiết b.1.3 của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB quy định.

“Trường hợp người đang sử dụng đất ở có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp (chuyển nhượng qua nhiều lần) đất ở của người

có giấy tờ hợp lệ hoặc không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất ở nhưng được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại tiết b.1.1, b.1.2.1, b.1.2.2, b.1.2.3 trên thì người sử dụng được tính bồi thường, hỗ trợ theo mức giá bồi thường, hỗ trợ của người chủ sử dụng cũ đầu tiên đã tạo lập nhà ở, đất ở” được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận thời điểm tạo lập.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xuất trình tài liệu mới là Văn bản số 2171/UBND-ĐTMT ngày 11 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về liên quan việc xác định loại đất để tính bồi thường, hỗ trợ trong Khu đô thị mới T, Quận H. Tại điểm a, b khoản 1 của Văn bản này quy định:

“a) Đất ở được sử dụng ổn định là đất ở đã được sử dụng liên tục cho mục đích chính để ở kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp giấy chứng nhận. Trường hợp đã sử dụng liên tục vào mục đích chính để ở mà có sự thay đổi về người sử dụng đất và sự thay đổi đó không phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất thì được xác định là đất ở”.

“b) Việc xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được căn cứ vào ngày, tháng, năm và mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau:

-;
- *Bản kê khai đăng ký nhà đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại thời điểm kê khai đăng ký;*
-”.

[8]. Căn cứ vào các tài liệu gồm: Giấy chuyển nhượng nhà và ao nuôi cá giữa bà Phạm Thị L và ông Lê Anh P lập ngày 16/6/1988 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A có nội dung: bà L chuyển nhượng cho ông P phần đất có diện tích 288m², bao gồm cả căn nhà tôn lợp lá có diện tích 56m², chuồng heo, ao nuôi cá; Biên bản cam kết bán đất ngày 03/4/1990 giữa ông Lê Anh P, bà Phạm Thị Thu H với ông Nguyễn Văn D; Giấy sang nhượng đất ngày 01/9/1998 giữa ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Xuân T; thể hiện phần diện tích đất ông T bị nhà nước thu hồi có nguồn gốc do bà Phạm Thị L khai phá, trên đất đã có nhà và căn cứ vào Tờ đăng ký nhà, đất năm 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B thể hiện ông T quản lý sử dụng phần đất có diện tích là 98m², trên đất có căn nhà có diện tích 40m², mái tôn, vách ván, nền xi măng.

[9]. Căn cứ vào Biên bản kiểm kê nhà đất, hoa màu và vật kiến trúc khác lập ngày 19/5/2005 do Tổ công tác của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng

Quận H lập đính kèm bảng vẽ và căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khu đô thị mới T do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập đã được Phòng Tài nguyên Môi trường Quận H kiểm tra nội nghiệp ngày 16/4/2009 thể hiện phần đất ông T bị thu hồi có diện tích sử dụng thực tế là 93,34m², không có phần nào thuộc rạch.

[10]. Mục c.1 điểm c khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành kèm theo quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T quy định:

“c) Về hạn mức đất ở để tính đền bù và xác định nghĩa vụ tài chính đối với đất ở bị thu hồi:

c.1. Trường hợp diện tích đang sử dụng bị thu hồi toàn bộ nhỏ hơn 200m² (trong đó vừa có đất ở, vừa có đất nông nghiệp) thì tính đền bù toàn bộ diện tích theo đất ở”.

[11]. Như vậy, đối chiếu với các quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, phần đất thực tế ông T bị thu hồi có diện tích 93,34m² có đủ điều kiện để được bồi thường toàn bộ theo đơn giá đất ở, xét Quyết định số 2166/QĐ-UBND chỉ bồi thường 20,06m² đất cho ông T theo giá đất nông nghiệp và không bồi thường đối với phần diện tích đất 73,28m² với lý do đất có nguồn gốc do san lấp rạch và xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 14083/QĐ-UBND-TTr bác khiếu nại đòi bồi thường của ông T mà không xem xét hết tình trạng pháp lý và thực tế sử dụng đất tại thời điểm thu hồi là chưa đúng, không đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T.

[12]. Do đó, xét chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân T, sửa bản án sơ thẩm như sau: hủy Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông (bà) Nguyễn Xuân T; hủy Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Xuân T theo quy định của pháp luật.

[13]. Về đề nghị của ông T được hỗ trợ tiền tạm cư: khi thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Táp thì người bị kiện có trách nhiệm xem xét đề nghị này theo quy định của pháp luật.

[14]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí

Mình tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15]. Án phí hành chính phúc thẩm: do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân T.

Tuyên xử:

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

- Hủy Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông (bà) Nguyễn Xuân T;

- Hủy Quyết định số 14083/QĐ-UBND-TTr ngày 03/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T.

- Buộc Ủy ban nhân thành phố T thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Xuân T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng Ủy ban nhân dân thành phố T phải nộp.

2.2. Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân T số tiền tạm nộp án phí 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08074 ngày 08/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

2.3. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng cho ông Nguyễn Xuân T, theo biên lai số AA/2021/0025706 ngày 11/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Quang Phúc